TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 434/2019/DSST
Ngày: 23/9/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đoan Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Quí Phượng;

2. Ông Lâm Viên Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai Vụ án thụ lý số 187/2019/TLST-DS ngày 08/3/2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐST-DS ngày 14/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Trường T, sinh năm 1994; địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 616/2018/UQ-TTT ngày 15/3/2019) – (Có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: đường A , Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các biên bản lời khai lập tại Tòa án, phía nguyên đơn – ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 17/3/2014 ông Trần Thanh T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài gòn Thương Tín (gọi tắt là "Ngân hàng") có ký Giấy đề nghị cấp thẻ kiểm hợp

đồng kèm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (các tài liệu này được gọi chung là "Hợp đồng"). Hạn mức sử dụng thẻ là 50 triệu đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ, ông Tuấn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 80.889.500 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau, do đó ông T phải chịu các khoản phí phát sinh theo quy định trong Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi và sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 93.052.493 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Tuấn không thanh toán hết khoản nợ. Đến ngày 06/8/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền dư nợ là 45.312.323 đồng là nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% trên lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Ngày 05/01/2018 và ngày 05/5/2018 ông T có thanh toán thêm số tiền 10 triệu đồng.

Tính đến ngày 20/7/2019, tổng số tiền còn nợ là 64.512.727 đồng, trong đó nợ gốc là 35.312.323 đồng, số tiền lãi quá hạn là 29.200.404 đồng.

Ngân hàng đã làm thủ tục khởi kiện ông Trần Thanh T, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải thanh toán số tiền còn nợ ngay và thanh toán làm một lần. Trường hợp ông T chậm thanh toán thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh theo quy định của Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Trường T có đơn yêu cầu vắng mặt.

* Bị đơn là ông Trần Thanh T: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Tuấn vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán có vi phạm tố tụng về việc chậm tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn và không đảm bảo thời hạn đưa vụ án ra xét xử, đề nghị khắc phục.

- Về nội dung vụ án:

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông Trần Thanh T trả số tiền nợ 35.312.323 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

+ Buộc ông Trần Thanh Tuấn trả tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ 35.312.323 đồng, số tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

1.1 Về quan hệ tranh chấp:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông Trần Thanh T có phát sinh tranh chấp về hợp đồng vay tài sản nên phía Ngân hàng THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 14, Quận 11 thì ông Trần Thanh T có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 127/64 đường Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3 Về sự có mặt của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa nhưng đã vắng mặt. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Thanh T có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các bên đương sự:

a) Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về yêu cầu tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/3/2017 giữa Ngân hàng và ông Trần Thanh T thì giao dịch giữa ngân hàng với ông T được xác định là giao dịch vay tài sản. Giao dịch giữa đôi bên được xác lập trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của đôi bên đối với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 80.889.500 đồng. Ngày 05/01/2018 và ngày 05/5/2018 ông T có thanh toán thêm số tiền 10 triệu đồng. Từ tháng 6/2018 ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng. Tính đến nay ông T vẫn còn số nợ gốc là 35.312.323 đồng. Do đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông Tuấn vẫn chưa trả cho Ngân hàng số tiền nợ trên. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông T phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền nợ trên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về tiền lãi chậm trả:

Mức lãi suất nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được quy định trong Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Xét thấy, việc thỏa thuận mức lãi suất này là hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay 1627 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đồng thời, nguyên đơn cũng đã tuân thủ những quy định về niêm yết công khai lãi suất cho vay và có báo cáo cho

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về lãi suất cho vay theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do đó, với yêu cầu ông Trần Thanh T phải thanh toán số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2019 là 31.705.830 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa trong đó có ghi rõ nội dung khởi kiện của Ngân hàng và gửi ông Trần Thanh T. Các tài liệu vừa nêu đã niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T cố tình vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến đối với nội dung trình bày của nguyên đơn. Do vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những nội dung mà nguyên đơn đã trình bày được xem là xác thực và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Việc bị đơn không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền được chứng minh, phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về số nợ gốc và lãi được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 23/9/2019 là 67.018.153 đồng, trong đó nợ gốc là 35.312.323 đồng, số tiền lãi quá hạn là 31.705.830 đồng.

Ngoài ra, theo quy định của pháp luật thì kể từ ngày 23/9/2019 ông T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tính từ ngày 23/9/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc.

[3] Về bị đơn là ông Trần Thanh T :

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các giấy triệu tập, các văn bản tố tụng đối với ông Trần Thanh T , tuy nhiên phía ông T đã không đến để trình bày ý kiến và cũng không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án, xem như ông T đã từ chối quyền lợi và nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào yêu cầu và các chứng cứ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Ông Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2011;

Căn cứ vào Điều 11, Điều 13, điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước ngày

31/12/2001 về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 22 của Quy chế Phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 15/5/2007;

Căn cứ vào Thông tư số 02/2011/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí vả lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín về việc yêu cầu ông Trần Thanh T trả nợ.

2. Buộc ông Trần Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi chậm trả tính đến ngày 23/9/2019, tổng số tiền còn nợ là 67.018.153 đồng, trong đó nợ gốc là 35.312.323 đồng, số tiền lãi quá hạn là 31.705.830 đồng. Nghĩa vụ đã nêu phải được thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/9/2019 ông Tuấn còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ gốc.

3. Trường hợp ông Trần Thanh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông T phải trả lãi trên với số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do việc chậm trả tiền được thực hiện theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

4. Về án phí: Ông Trần Thanh T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.350.908 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn chín trăm lẻ tám đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKS-TAND TP.HCM;
- VKSND Q.11;
- CCTHADS Q.11;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đoan Tiên